

# PHÂN TÍCH CÁC HỆ SỐ TÀI CHÍNH



## Nội dung phân tích các hệ số tài chính

1 Ý nghĩa và mục đích phân tích

2 Phân tích khả năng sinh lời

3 Phân tích khả năng thanh toán

## 1. Ý nghĩa và mục đích phân tích các hệ số tài chính

- So sánh các khoản mục trên BCTC của DN
- Kiểm soát và cải tiến HĐ kinh doanh của DN
- Đánh giá khả năng chi trả nợ và rủi ro của DN
- Đánh giá hiệu quả và triển vọng kinh doanh của DN




---

---

---

---

---

---

---

---

## 2. Phân tích khả năng sinh lời của Doanh nghiệp

### 2.1. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu

**Tỷ suất lợi nhuận trước thuế và lãi vay trên doanh thu :**  
đo lường khả năng tạo ra lợi nhuận trước thuế hoặc lợi nhuận trước thuế và lãi vay trên một đồng doanh thu

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Doanh thu thuần}}$$

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu} = \frac{\text{EBIT}}{\text{Doanh thu thuần}}$$


---

---

---

---

---

---

---

---

## 2. Phân tích khả năng sinh lời của Doanh nghiệp

**Ví dụ:** Nhận xét khả năng sinh lời qua chỉ tiêu ROS của DN Vạn Thành qua bảng số liệu sau

ĐVT: tr.VND

Chỉ tiêu	2005	2006	So sánh
Lợi nhuận trước thuế & LV (EBIT)	1.018	1.321	29,76%
Doanh thu thuần	22.624	24.567	8,59%
Tỷ suất sinh lời trên doanh thu			

---

---

---


---

---

---

---

---



## 2. Phân tích khả năng sinh lời của Doanh nghiệp

### 2.2. Tỷ lệ hoàn vốn

**Tỷ lệ hoàn vốn** : đo lường khả năng tạo ra lợi nhuận trên một đồng vốn đầu tư, không phân biệt vốn đầu tư được hình thành từ nguồn nào

$$\text{Tỷ lệ hoàn vốn} = \frac{\text{EBIT}}{\text{Tổng vốn bình quân}}$$

$$= \frac{\text{EBIT}}{\text{Doanh thu thuần}} \times \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tổng vốn bình quân}}$$

---

---

---


---

---

---

---

---



## 2. Phân tích khả năng sinh lời của Doanh nghiệp

$$\text{Tỷ lệ hoàn vốn} = \text{Tỷ suất lợi nhuận trước thuế \& LV / doanh thu} \times \text{Số vòng quay tổng vốn bình quân}$$

Tỷ lệ hoàn vốn cho thấy hiệu quả sử dụng vốn đầu tư tại doanh nghiệp

Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp sẽ được đánh giá là tăng nếu tích số của 2 tiêu thức tỷ suất lợi nhuận trước thuế và lãi vay trên doanh thu và số vòng quay vốn đầu tư tăng

---

---

---


---

---

---

---

---



## 2. Phân tích khả năng sinh lời của Doanh nghiệp

Ví dụ:

Chi tiêu	Số tiền (triệu đồng)
Tổng vốn bình quân	40.000
Doanh thu thuần	260.000
Lợi nhuận	20.000

---

---

---


---

---

---

---

---



## 2. Phân tích khả năng sinh lời của Doanh nghiệp

Các biện pháp tác động làm tăng tỷ lệ hoàn vốn:

*Cải thiện tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu*

✖

*Cải thiện số vòng quay tổng vốn bình quân*

✖

✖

---

---

---


---

---

---

---

---



## 2. Phân tích khả năng sinh lời của Doanh nghiệp

Giảm chi phí: Chi phí NVL giảm do nhà cung cấp giảm giá bán làm lợi nhuận tại công ty tăng 20%

Chỉ tiêu	Số tiền (triệu đ)
Tổng vốn bình quân	40.000
Doanh thu thuần	260.000
Lợi nhuận	24.000

---

---

---


---

---

---

---

---



## 2. Phân tích khả năng sinh lời của Doanh nghiệp

Tăng doanh thu: Doanh thu tăng 10% làm lợi nhuận tăng 20%

Chỉ tiêu	Số tiền (triệu đ)
Tổng vốn bình quân	40.000
Doanh thu thuần	286.000
Lợi nhuận	24.000

---

---

---

---

---

---

---

---

## 2. Phân tích khả năng sinh lời của Doanh nghiệp

Giảm vốn: Giả sử giảm vốn 5.000 mà vẫn giữ nguyên doanh thu và chi phí

Chỉ tiêu	Số tiền (triệu đ)
Tổng vốn bình quân	35.000
Doanh thu thuần	260.000
Lợi nhuận	20.000

## 2. Phân tích khả năng sinh lời của Doanh nghiệp

**Vi dụ:** Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến chỉ tiêu tỷ lệ hoang vốn của DN Tân Châu qua 2 năm (Bài tập 5):

ĐVT: tr.VND

Chỉ tiêu	2005	2006	So sánh
Lợi nhuận TT&LV (EBIT)	3.381	2.885	- 496
Doanh thu thuần	28.000	32.300	4.300
Tổng vốn bình quân	32.020	32.215	195

## 2. Phân tích khả năng sinh lời của Doanh nghiệp

### 2.3. Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản

**Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản:** đo lường hiệu quả hoạt động của công ty trong việc sử dụng TS để tạo ra lợi nhuận sau khi đã trừ thuế, không phân biệt TS được hình thành từ nguồn vốn vay hay vốn CSH

$$\begin{aligned}\text{Tỷ suất sinh lời trên tổng TS} &= \frac{\text{EBIT} * (1 - t)}{\text{Tổng tài sản bình quân}} \\ &= \frac{\text{EBIT} * (1-t)}{\text{Doanh thu thuần}} \times \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tổng TS bình quân}}\end{aligned}$$

## 2. Phân tích khả năng sinh lời của Doanh nghiệp

**Ví dụ:** Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến chỉ tiêu tỷ suất sinh lời trên tổng TS của DN Tân Châu qua 2 năm (Bài tập 5):

DVT: tr.VND

Chỉ tiêu	2005	2006	So sánh
EAT + I (1- t)	2.379,64	2.007,28	- 496
Doanh thu thuần	28.000	32.300	4.300
Tổng TS bình quân	32.020	32.215	195

2.3. Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản – ROA

## 2. Phân tích khả năng sinh lời của Doanh nghiệp

### 2.4. Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu

**Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu:** đo lường khả năng tạo ra lợi nhuận sau thuế của DN trên một đồng vốn chủ sở hữu

$$\text{Tỷ suất sinh lời trên VCSH} = \frac{\text{Lợi nhuận ròng}}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}} =$$

$$\frac{\text{LN ròng}}{\text{Doanh Thu thuần}} \times \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tổng TS bình quân}} \times \frac{\text{Tổng TS bình quân}}{\text{Vốn CSH bình quân}}$$

## 2. Phân tích khả năng sinh lời của Doanh nghiệp

**Phân tích ROE qua tỷ số Dupont: 3 giải pháp để tăng ROE**

$$\text{ROE} = \text{Tỷ suất LNST trên doanh thu} \times \text{Số vòng quay TS} \times \text{Hệ số đòn bẩy TC}$$

1

Tăng tỷ suất LN trên DT: tiết kiệm chi phí, tăng DT để tăng tổng mức LN và đạt tốc độ tăng LN tốt hơn tốc độ tăng DT

2

Tăng tốc độ luân chuyển của tài sản: tăng doanh thu và đầu tư, dự trữ TS hợp lý, huy động tối đa mọi TS vào hoạt động kinh doanh

3

Giảm tỷ lệ Vốn CSH: đảm bảo tốc độ tăng Vốn CSH thấp hơn tốc độ tăng TS, sử dụng Vốn CSH hợp lý

2.4. Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu – ROE

## 2. Phân tích khả năng sinh lời của Doanh nghiệp

Phân tích tác động của đòn bẩy tài chính đến ROE

Đòn bẩy tài chính:  
cơ cấu nguồn vốn  
mà DN sử dụng để  
tài trợ cho TS

Tỷ số nợ = Tổng nợ / Tổng vốn

Tỷ lệ nợ trên VCSH = Nợ / Vốn CSH

Hệ số đòn  
bẩy TC =  $\frac{\text{Tổng vốn}}{\text{Vốn chủ sở hữu}}$

2.4. Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu – ROE

## 2. Phân tích khả năng sinh lời của Doanh nghiệp

Phân tích tác động của đòn bẩy tài chính đến ROE

Gọi: V: Tổng vốn bình quân

E: Vốn CSH bình quân

D: Nợ bình quân

$R_D = I(1-t) / D$ : chi phí sử dụng nợ bình quân sau thuế

$$ROE = ROA + (ROA - R_D) \frac{D}{E}$$

2.4. Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu – ROE

## 2. Phân tích khả năng sinh lời của Doanh nghiệp

Phân tích tác động của đòn bẩy tài chính đến ROE

TH1

$ROA > R_D \rightarrow ROE > ROA$

Đòn bẩy tài chính khuếch đại tỷ suất sinh lời trên Vốn CSH. Doanh nghiệp sử dụng ĐBTC hiệu quả.

TH2

$ROA = R_D \rightarrow ROE = ROA$


Đòn bẩy tài chính vô hiệu, dù DN vay mượn nợ cao thì vẫn không làm tăng ROE

TH3

$ROA < R_D \rightarrow ROE < ROA$

Đòn bẩy tài chính tác động tiêu cực, làm giảm ROE

2.4. Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu – ROE



## 2. Phân tích khả năng sinh lời của Doanh nghiệp

**Phân tích tác động của đòn bẩy tài chính đến ROE**

Ví dụ:

Có hai Doanh nghiệp A và B có quy mô giống nhau, có cùng tỉ suất sinh lời trên tài sản theo Trường hợp 1 là 15%, và theo Trường hợp 2 là 7%.

Biết rằng,

- Doanh nghiệp A không sử dụng nợ vay, và Doanh nghiệp B sử dụng 50% vốn vay để kinh doanh.
- Chi phí sử dụng nợ bình quân là 10%/năm
- Thuế suất thuế TNDN là 28%

Hãy xem xét mức độ ảnh hưởng của hiệu ứng ĐBTC trong hai trường hợp

2.4. Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu – ROE

---

---

---


---

---

---

---

---



## 2. Phân tích khả năng sinh lời của Doanh nghiệp

**Trường hợp 1: Tỷ suất sinh lời trên tài sản là 15% (ĐVT: triệu đồng)**

Chỉ tiêu	A	B
1. Nguồn vốn CSH		
2. Nợ phải trả		
3. Tổng tài sản		
4. Lợi nhuận kinh doanh		
5. Chi phí lãi vay		
6. Lợi nhuận trước thuế		
7. Lợi nhuận sau thuế		
8. ROE		

2.4. Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu – ROE

---

---

---


---

---

---

---

---



## 2. Phân tích khả năng sinh lời của Doanh nghiệp

**Trường hợp 2: Tỷ suất sinh lời trên tài sản là 7% (ĐVT: triệu đồng)**

Chỉ tiêu	A	B
1. Nguồn vốn CSH		
2. Nợ phải trả		
3. Tổng tài sản		
4. Lợi nhuận kinh doanh		
5. Chi phí lãi vay		
6. Lợi nhuận trước thuế		
7. Lợi nhuận sau thuế		
8. ROE		

2.4. Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu – ROE

---

---

---

---

---

---

---

---



## 2. Phân tích khả năng sinh lời của Doanh nghiệp

Ví dụ: Phân tích tác động của các nhân tố ảnh hưởng đến chỉ tiêu ROE qua hai năm (Bài tập 5)

Chỉ tiêu	2005	2006	Chênh lệch
1. <i>LNST (EAT)</i>			
2. <i>VCSH BQ (E)</i>			
3. <b>ROE</b>			
4. <i>I(1-t)</i>			
5. <i>Tổng TS bình quân (V)</i>			
6. <b>ROA</b>			
7. <i>D</i>			
8. <i>R<sub>D</sub></i>			
9. <i>ROA – R<sub>D</sub></i>			
10. <b>D/E</b>			
11. <b>(ROA – R<sub>D</sub>) (D/E)</b>			

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

## 2. Phân tích khả năng sinh lời của Doanh nghiệp

**Tỷ suất sinh lời trên vốn cổ phần thường – ROCE**

**Tỷ suất sinh lời trên vốn cổ phần thường – ROCE (Return on Common Equity):** đo lường hiệu quả sử dụng vốn của cổ đông thường để tạo ra lợi nhuận của họ.

$$ROCE = \frac{\text{Lợi nhuận ròng - Cổ tức ưu đãi}}{\text{Vốn cổ phần thường bình quân}}$$

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

## 2. Phân tích khả năng sinh lời của Doanh nghiệp

**Thu nhập trên cổ phiếu thường – EPS**

**Thu nhập trên cổ phiếu thường – EPS (Earning Per Share)**

$$EPS = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế - Cổ tức ưu đãi}}{\text{Số lượng cổ phiếu thường lưu hành trong kỳ}}$$

**Tỉ số giá thị trường so với thu nhập trên một cổ phiếu – P/E (Price – Earning Ratio)**

$$P/E = \frac{\text{Giá thị trường mỗi cổ phiếu}}{EPS}$$

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

## Các chỉ tiêu chính trong phân tích khả năng sinh lời

### Tỷ lệ hoàn vốn - ROI

- Phản ánh hiệu quả sử dụng vốn trong điều kiện chưa có tác động của NỢ và THUẾ

### Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản - ROA

- Phản ánh hiệu quả sử dụng vốn trong điều kiện chưa có tác động NỢ

### Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu - ROE

- Phản ánh hiệu quả sử dụng vốn trong điều kiện có tác động của NỢ và THUẾ

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

## 3. Đánh giá khả năng thanh toán của Doanh nghiệp

### CÁC HỆ SỐ ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG THANH TOÁN NGẮN HẠN

**Khả năng thanh toán ngắn hạn:** khả năng chuyển đổi các tài sản có tính thanh khoản thành tiền để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn

$$\text{Hệ số khả năng thanh toán hiện hành} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

$$\text{Hệ số khả năng thanh toán nhanh} = \frac{\text{Tiền mặt} + \text{Đầu tư NH} + \text{Khoản phải thu}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

### CÁC HỆ SỐ ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG THANH TOÁN NGẮN HẠN

Ví dụ: Các số liệu kế toán của công ty Hòa Thành

Chỉ tiêu	31/12/2005	31/12/2006	TB ngành
Tài sản ngắn hạn	52.200	67.500	
Tiền mặt	9.000	500	
Đầu tư ngắn hạn	1.700	2.500	
Khoản phải thu	12.500	16.000	
Tồn kho	29.000	45.500	
Nợ ngắn hạn	32.500	69.000	
Hệ số khả năng TT hiện hành			
Hệ số khả năng TT nhanh			



NHAN XÉT

## CÁC HỆ SỐ ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG THANH TOÁN NGẮN HẠN

Hệ số vòng quay  
khoản phải thu

Hệ số vòng quay  
Hàng tồn kho

Hệ số vòng quay  
khoản phải trả

Tốc độ luân  
chuyển vốn  
lưu động

DN đang chiếm dụng vốn hay đang bị chiếm dụng vốn?

## CÁC HỆ SỐ ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG THANH TOÁN NGẮN HẠN

### Hệ số vòng quay các khoản phải thu

$$\text{Số vòng luân chuyển các khoản phải thu KH} = \frac{\text{Tổng doanh thu thuần}}{\text{Bình quân các khoản phải thu KH}}$$

$$\begin{aligned} \text{Số ngày thu tiền bán hàng} &= \frac{\text{Bình quân các khoản phải thu KH}}{\text{Doanh thu thuần bq 1 ngày}} \\ &= \frac{360}{\text{Số vòng luân chuyển khoản phải thu}} \end{aligned}$$

## CÁC HỆ SỐ ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG THANH TOÁN NGẮN HẠN


**Ví dụ:** Các số liệu tốc độ quay khoản phải thu của DN sản xuất Hòa Thành

ĐVT: tr.VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	So sánh 06/05	
			Tuyệt đối	Tương đối
Doanh thu bán chịu	51.752	75.520	23.768	45,93%
Các khoản phải thu bq	9.240	15.635	6.395	69,21%
Số vòng luân chuyển khoản phải thu				
Số ngày thu tiền bán chịu				



NHẬN XÉT



### CÁC HỆ SỐ ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG THANH TOÁN NGÂN HẠN

#### Hệ số vòng quay hàng tồn kho

Số vòng luân chuyển hàng tồn kho

=

Giá vốn hàng bán

Tồn kho bình quân

Thời gian luân chuyển hàng tồn kho

=

Tồn kho bình quân

Giá vốn hàng bán bq 1 ngày

=

365

Số vòng luân chuyển hàng tồn kho

---

---

---


---

---

---

---

---




### CÁC HỆ SỐ ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG THANH TOÁN NGÂN HẠN

**Ví dụ:** Các số liệu tốc độ quay hàng tồn kho của DN sản xuất Hòa Thành

**ĐVT: tr.VND**

Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	So sánh 06/05	
			Tuyệt đối	Tương đối
GVHB	38.338	63.528	25.190	65,71%
Tồn kho bình quân	6.716	10.691	3.975	59,17%
Số vòng luân chuyển tồn kho				
Thời gian luân chuyển tồn kho				



NHAN XÉT

---

---

---


---

---

---

---

---



### CÁC HỆ SỐ ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG THANH TOÁN NGÂN HẠN

#### Hệ số vòng quay các khoản phải trả

Số vòng luân chuyển khoản phải trả

=

Trị giá hàng mua

Bình quân các khoản phải trả

Thời gian trả tiền mua hàng

=

Bình quân các khoản phải trả

Trị giá hàng mua bq 1 ngày

=

360

Số vòng quay khoản phải trả

---

---

---

---

---

---

---

---

CÁC HỆ SỐ ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG THANH TOÁN NGẮN HẠN				
<b>Ví dụ:</b> Các số liệu số ngày trả tiền mua hàng của DN sản xuất Hòa Thành				
ĐVT: tr.VNĐ				
Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	So sánh 06/05	
			Tuyệt đối	Tương đối
Doanh số mua chịu	37.820	46.625	8.805	23,28%
Bình quân khoản phải trả người bán	4.250	4.145	-105	-2,48%
Số vòng quay khoản phải trả				
Thời gian trả tiền mua hàng				
 <b>NHAN XÉT</b>				

---

---

---

---

---

---

---

---

HỆ SỐ ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG THANH TOÁN DÀI HẠN	
<b>Khả năng thanh toán dài hạn (Hệ số khả năng chi trả):</b> khả năng tạo ra được dòng ngân lưu từ hoạt động kinh doanh cao và ổn định để đáp ứng nhu cầu thanh toán chi phí lãi vay cố định, thường xuyên và nợ gốc khi đến hạn	
Tỷ lệ ngân lưu ròng từ HĐKD so với nợ ngắn hạn	$= \frac{\text{Ngân lưu ròng từ HĐKD}}{\text{Nợ vay NH + Nợ dài hạn đến hạn trả đầu kỳ}}$
Tỷ lệ đảm bảo lãi vay	$= \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế và lãi vay (EBIT)}}{\text{Lãi vay}}$

---

---

---

---

---

---

---

---